

Bản án số: **53/2023/DS-PT**

Ngày: 15-3-2023

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Thanh Liêm

Các thẩm phán: ông Trương Công Thi

ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 880/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Văn C, sinh năm 1951, địa chỉ: Australia, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Văn M, sinh năm 1971; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1935; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Ông Trần Văn H (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng:

2.1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2.2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2.3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2.4. Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1969; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2.5. Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 43, phường Thạc

Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2.6. Ông Trần Văn V, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2.7. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Bích H, ông Trần Văn V và ông Trần Văn Q: bà Trần Thị T, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn T, đều có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1928, địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2. Bà Dương Thị Bích T, sinh năm 1942; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Trần Văn Đ; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn C do ông Trần Văn M đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C là ông Trần Văn Minh trình bày:

Cha mẹ ông Trần Văn C là ông Trần Văn D (chết năm 1988) và bà Nguyễn Thị M (chết năm 1998) sinh được 04 người con là Trần Thị C, Trần Thị Q, Trần Văn C và Trần Văn H (chết). Ông D, bà M có tạo lập được khối tài sản chung là di sản thừa kế bao gồm hai lô đất tại địa chỉ K355/11 và K355/15 H, phường B, quận H, tp. Đà Nẵng (trước đây thuộc phía đường P).

Khối tài sản trên của cha mẹ tôi trước đây có xây dựng hai căn nhà nhưng đã tháo dỡ, hiện trạng trên thửa đất này có hai căn nhà kiên cố của gia đình bà Trần Thị Q và gia đình ông Trần Văn H xây dựng, ngoài ra có 01 nhà thờ (ký hiệu B) được xây dựng năm 2009 do ông H đứng ra xây dựng, trong đó ông C đóng góp 30.000.000 đồng, bà Q đóng góp 20.000.000 đồng, bà C đóng góp 2.000.000 đồng. Ngôi nhà thờ hiện nay nằm giữa hai căn nhà của gia đình bà Q và ông H là nhà thờ tổ tiên không ai là không biết và không công nhận công năng là nhà thờ và không có ai ăn ở, sinh hoạt trên căn nhà này cả, các con cháu chỉ sum họp về đây khi có việc giỗ chạp nên việc công nhận căn nhà trên là nhà thờ tự chung của các đồng thừa kế là cần thiết.

Hiện nay, gia đình bà Trần Thị Q đang ở trên diện tích đất và nhà tại địa chỉ K355/11 H, phường B, quận H, tp. Đà Nẵng (ký hiệu A). Gia đình của ông Trần Văn H đang ở trên diện tích đất và nhà tại địa chỉ K355/15 H, phường B, quận H, tp. Đà Nẵng. Sau khi ông H chết có các anh, chị Trần Văn V, Trần Văn Q và bà Dương Thị Bích T đang ở (ký hiệu C). Ký hiệu A, B, C là theo Sơ đồ vị

trí thừa đất tại địa điểm: Tổ 3, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo vẽ.

Hiện di sản của ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, về nguồn gốc nhà và đất này là do ông D và bà M bỏ tiền mua lại của người khác. Năm 1977, cha tôi là ông Trần Văn D đã kê khai nhà cửa theo Bản kê khai nhà cửa của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ. Lúc này ông Trần Văn D vẫn đứng tên kê khai chứ không hề có việc tặng cho bà Q hay ông H.

Lý do bà Q ở như hiện nay là do trước đó bà Q không có nhà ở lại đang có con nhỏ nên ba mẹ mới đón về cho ở trong gia đình, còn ông H là con trai nên ở cùng cha mẹ.

Ông C bôn ba ra nước ngoài đã gửi tiền về cho cha mẹ phụng dưỡng và chăm sóc nhà cửa. Tương lai ông C sẽ hồi hương để được gần ông bà tổ tiên nên đã có ý hợp mặt xin anh chị em về việc thỏa thuận phân chia di sản của cha mẹ để lại nhưng không được.

Do đó, ông Trần Văn C đã khởi kiện bà Trần Thị Q và các đồng thừa kế của ông Trần Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết các vấn đề như sau: Chia thừa kế đối với 02 thửa đất tại địa chỉ K355/11 và K355/15 đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng của cha mẹ cho các đồng thừa kế. Công nhận thừa đất ở giữa hai ngôi nhà của bà Trần Thị Q và ông Trần Văn H là nhà thờ và công nhận diện tích tặng cho của bà Trần Thị C cho ông Trần Văn C.

Ông Nguyễn Văn C đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Q trình bày:

Ngôi nhà K355/11 H nói trên hiện có diện tích 40m² nằm trên diện tích đất 45m², chiều ngang trước 5,10m, phía sau 4,8m, chiều dài 9,1m là do bà Q xây dựng từ năm 1960 trên phần đất trồng chuối mà ba mẹ là ông Trần Văn D bà Diệp Thị M cho và ngược lại ba mẹ tôi có nhận một khoản vàng tương ứng. Điều này ông Trần Văn C, bà Trần Thị C, ông Trần Văn H đều được biết. Gia đình chúng tôi sống tại đây và đã có hộ khẩu riêng từ năm 1976. Năm 2001, do nhà cửa xuống cấp nên mẹ chúng tôi có xin giấy phép sửa chữa, xây dựng lại ngôi nhà đã được Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy phép. Chúng tôi đã đóng thuế nhà đất từ trước đến nay, tất cả những chứng từ lịch sử rất lâu hơn 50 năm từ lúc ông bà còn sống. Điều đó thể hiện nguồn gốc nhà đất số K355/11 H không liên quan đến việc khiếu kiện của ông Trần Văn C đòi chia di sản thừa kế do ông bà ngoại chúng tôi để lại nên đề nghị công nhận phần diện tích của bà Q đã được cha mẹ bà Q tặng cho khi ông bà còn sống. Phần di sản còn lại chia đều theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế.

Ông ngoại Trần Văn D (chết) sống với cậu Trần Văn H đến 81 tuổi thì bệnh ngồi và nằm một chỗ ông H chăm lo cho đến lúc chết là 86 tuổi. Bà Q và ông C chỉ phụ cấp tượng trưng. Bà ngoại Diệp Thị M (chết) sống với cậu Trần Văn H đến 84 tuổi thì bệnh ngồi và nằm một chỗ. Bà Q là người chăm lo cho đến lúc chết là 94 tuổi, ông C lo chi phí ăn uống và thuốc men.

Ngôi nhà K355/15 H gồm có 02 gian: Gian nhà thờ hiện tại có lịch sử là nhà cấp 4 dùng để thờ và ở (chính giữa để thờ, hai bên đặt hai giường ngủ, phía trước bên trái có một phòng lõi đặt giường ngủ); gian nhà ông Trần Văn H hai tầng, lịch sử là nhà bếp và để ở.

Năm 2009, nhà cửa xuống cấp, ông Trần Văn H đã tôn tạo lại thành nhà thờ hiện nay (có xin giấy phép xây dựng) và tổng chi phí khoảng 200.000.000 đồng. Ông Trần Văn C đóng góp 30.000.000 đồng, bà Trần Thị Q đóng góp 20.000.000 đồng, bà Trần Thị C đóng góp 2.000.000 đồng.

Còn gian nhà hai tầng ông H đang sử dụng hiện nay là có sự đóng góp 100.000.000 đồng của ông Trần Văn C để xây dựng (không có giấy phép xây dựng) và việc chăm lo mồ mã, cúng kính ông bà cha mẹ hoàn toàn do ông Trần Văn H là chính. Bà Trần Thị Q và ông Trần Văn C chỉ hỗ trợ thêm phần nhỏ. Ông Trần Văn C đã thoát ly khỏi gia đình từ năm 17 tuổi và trốn ra nước ngoài nên không có công lao gìn giữ, quản lý, tôn tạo, ... Bà Trần Thị C đã thoát ly khỏi gia đình từ năm 20 tuổi và là con riêng của bà ngoại nên cũng giống như ông C.

Nguyện vọng của chúng tôi: Chúng tôi được sinh ra từ những năm 1960 và lớn lên tại địa chỉ trên. Kính mong quý tòa xác minh và căn cứ vào tình hình thực tế và lịch sử hình thành để phân xử công bằng, hợp tình, hợp lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định, đo đạc; Chứng thư thẩm định giá theo giá thị trường thì tôi không có ý kiến gì. Tuy nhiên, trong Chứng thư thẩm định có xác định riêng phần nhà thờ là không đúng mà phải ghi là “nhà trên” phù hợp với kết quả tại Sơ đồ vị trí thửa đất tại địa điểm: Tổ 3, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng, không có phần diện tích nào là phần diện tích nhà thờ.

Ông Trần Văn D, ông Trần Văn T, bà Trần Thị T thống nhất trình bày:

Chúng tôi sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà trên. Từ nhỏ chúng tôi ở cùng với ông bà cha mẹ tại địa chỉ hiện nay là K355/15 đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Phần nhà dưới bên phải gia đình chúng tôi dùng để ở và lo việc nấu nướng cúng kính ông bà. Phần ở giữa trước đây ông nội Trần Văn D ở và thờ cúng. Phần bên trái ông bà nội đã cho cô Trần Thị Q một phần đất xây dựng nhà để ở tại địa chỉ hiện nay là K355/11 đường H, phường B, quận H,

thành phố Đà Nẵng. Còn bà cô Trần Thị C đã có chỗ ở riêng, không ở chung với ông bà nội từ nhỏ, ông chú Trần Văn C đã đi nước ngoài ở từ rất lâu.

Đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế đối với phần diện tích đất 318,8m² (theo kết quả tại Sơ đồ vị trí thửa đất tại địa điểm: Tổ 3, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng), trên đó gồm: 03 khối nhà trong đó có nhà của gia đình cô Q, nhà của ba tôi và phần nhà trên (Phần nhà trên này hiện có ông Trần Văn V, ông Trần Văn Q, bà Lê Thị T H (vợ ông Q), cháu Trần Văn Q, sinh năm 2012 (con ông Q) đang sinh sống.

Chúng tôi mong muốn giữ nguyên hiện trạng hiện nay để gia đình không bị xáo trộn gây mất đoàn kết, gìn giữ để gắn kết tình anh em bà con nội ngoại với nhau.

Trên Chứng thư thẩm định giá số 5210331/CT- BTCVALUEĐN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTCValue có ghi “nhà thờ” là không đúng, mà phải ghi là “nhà trên”, về kết quả định giá của chứng thư chúng tôi không có ý kiến về giá và đồng ý với kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng.

Bà Trần Thị C vắng mặt trong quá trình tố tụng nhưng có bản trình bày gửi Tòa án ghi ngày 14/6/2021 như sau:

Gia đình chúng tôi gồm 04 chị em là tôi Trần Thị C và ba đứa em cùng mẹ khác cha với tôi là Trần Thị Q, Trần Văn H và Trần Văn C. Sau khi qua đời thì cha dượng của tôi là ông Trần Văn D và bà Diệp Thị M (mẹ ruột) có để lại di sản là đất tại K355/11 và K355/15 đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trên diện tích đất này, cha mẹ đã cho em tôi là Trần Thị Q một phần và em tôi đã xây nhà ở từ năm 1968 là nhà K355/11 hiện nay. Trên diện tích đất còn lại có hai gian nhà cấp 4 cũ thì em tôi Trần Văn H đã xây dựng mới lại (là nhà K355/15 hiện nay), hai em tôi đã ở và gìn giữ đến ngày hôm nay. Còn tôi và ông Trần Văn C đã thoát ly khỏi gia đình từ hơn 50 năm rồi. Nay ông C yêu cầu chia di sản thừa kế nhà và đất của cha mẹ để lại thì tôi không có ý kiến gì.

Sau đó, ngày 16/01/2022 bà Trần Thị C và con trai là ông Lê Văn Thái gửi văn bản bổ sung ý kiến: Phần của mẹ tôi bà Trần Thị C được nhận từ di sản thừa kế, mẹ tôi muốn được tặng cho cậu Trần Văn C và không có bất cứ ý kiến nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 623, Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27, điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 17/10/2018.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Tuyên xử:

1. Giao phần đất tại thửa A (có số nhà K355/11 do bà Trần Thị Q đang sử dụng) phía nam giáp đường bê tông, phía bắc giáp thửa B, phía tây giáp công trình xây dựng, phía đông giáp đường bê tông, diện tích đất 81,1m² (lấy thẳng từ mặt nhà bà Q ra hết sân phía trước, đã trừ 1 phần diện tích mua thêm 3,6m²) trên diện tích đất có căn nhà 03 tầng giao cho bà Trần Thị Q sở hữu.

2. Giao phần đất tại thửa B (ở giữa nhà bà Q và nhà ông H) phía nam giáp thửa A, phía bắc giáp thửa C, phía tây giáp công trình xây dựng, phía đông giáp đường bê tông diện tích đất 127,4m² (lấy thẳng từ mặt nhà ra hết sân phía trước), trên đất là căn nhà cấp 4 giao cho ông Trần Văn C sở hữu. Do ông C có Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nên giao cho ông Trần Văn M, sinh năm 1971; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh là con ông Trần Văn C quản lý.

3. Giao phần đất tại thửa C (có số nhà K355/15 do các đồng thừa kế của ông Trần Văn H đang sử dụng) phía nam giáp thửa A, phía bắc giáp công trình xây dựng, phía tây giáp công trình xây dựng, phía đông giáp đường bê tông, diện tích đất 110,3m² (lấy thẳng từ mặt nhà ông H ra hết sân phía trước), trên đất là ngôi nhà 02 tầng giao cho các đồng thừa kế của ông Trần Văn H là bà Dương Thị Bích T, bà Trần Thị T, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Bích H, ông Trần Văn V, ông Trần Văn Q sở hữu.

(Kèm theo Sơ đồ vị trí thửa đất, được trích từ Sơ đồ vị trí thửa đất địa điểm: Tổ 3, phường B, quận H, tp. Đà Nẵng của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo vẽ ngày 29/10/2021).

Các bên tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí định giá, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2022, nguyên đơn ông Trần Văn C do ông Trần Văn M đại diện theo ủy quyền có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận tất cả di sản tại 2 địa chỉ K355/11 và K355/15 đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của ông Trần Văn D và bà Diệp Thị M (Nguyễn Thị M) chưa chia; Công nhận căn nhà có diện tích 65,3m² và phần diện tích đất có ký hiệu B trong văn bản chứng thư đo vẽ và thẩm định giá là di sản thờ cúng chung của đồng thừa kế; chia di sản thừa kế diện tích đất còn lại theo quy định

pháp luật; công nhận việc tặng cho di sản của người thừa kế di sản bà Diệp Thị M là bà Trần Thị C (con riêng) cho ông Trần Văn C. Ông C yêu cầu được lấy bằng hiện vật quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn C do ông Trần Văn M đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Trần Văn M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận tất cả di sản tại 2 địa chỉ K355/11 và K355/15 đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của ông Trần Văn D và bà Diệp Thị M (Nguyễn Thị M) chưa chia; Công nhận căn nhà có diện tích khoảng 65,3m² và phần diện tích đất có ký hiệu B trong văn bản chứng thư đo vẽ và thẩm định giá là di sản thờ cúng chung của đồng thừa kế; chia di sản diện tích đất còn lại theo quy định pháp luật; công nhận việc tặng cho di sản của người thừa kế di sản bà Diệp Thị M là bà Trần Thị C (con riêng), bà C cho ông Trần Văn C. Ông C yêu cầu được lấy bằng hiện vật quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Vợ chồng cụ Trần Văn D (chết năm 1988) và cụ Nguyễn Thị M (chết năm 1998) sinh được 03 người con chung bao gồm: bà Trần Thị Q, ông Trần Văn C và ông Trần Văn H. Bà Nguyễn Thị M có con riêng là bà Trần Thị C. Di sản thừa kế của cụ D và cụ M để lại là 02 lô đất tại địa chỉ K355/11 và K355/15 đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Về hàng thừa kế và di sản mà cụ D và cụ M để lại các đương sự không có khiếu nại gì nên không xét.

Xét kháng cáo của phía nguyên đơn thì thấy:

Đối với phần đất tại thửa B (theo bản án sơ thẩm) có tổng diện tích 127,4m² trên đất có diện tích xây dựng 65,3m², ông Trần Văn M yêu cầu công nhận đây là di sản dùng vào việc thờ cúng không chia mà chỉ chia phần đất còn lại nhưng không được các đương sự được hưởng thừa kế đồng ý nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng không thỏa thuận được theo yêu cầu của ông Trần Văn M.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận phần di sản thừa kế của bà Trần Thị C được hưởng cho ông Trần Văn C và phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế dựa trên cơ sở tài sản của các đương sự được xây dựng trên phần đất được chia là hoàn toàn hợp tình, hợp lý. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần

Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, ông Trần Văn C là người cao tuổi nên được miễn.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 623, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 17/10/2018.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Giao phần đất tại thửa A (có số nhà K355/11 do bà Trần Thị Q đang sử dụng) phía nam giáp đường bê tông, phía bắc giáp thửa B, phía tây giáp công trình xây dựng, phía đông giáp đường bê tông, diện tích đất 81,1m² (lấy thẳng từ mặt nhà bà Q ra hết sân phía trước, đã trừ một phần diện tích mua thêm 3,6m²) trên diện tích đất có căn nhà 03 tầng giao cho bà Trần Thị Q sở hữu.

- Giao phần đất tại thửa B (ở giữa nhà bà Q và nhà ông H) phía nam giáp thửa A, phía bắc giáp thửa C, phía tây giáp công trình xây dựng, phía đông giáp đường bê tông diện tích đất 127,4m² (lấy thẳng từ mặt nhà ra hết sân phía trước), trên đất là căn nhà cấp 4 giao cho ông Trần Văn C sở hữu. Do ông C có Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nên giao cho ông Trần Văn M, sinh năm 1971; địa chỉ: B9/1H Ấp 2, Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí M là con ông Trần Văn C quản lý.

- Giao phần đất tại thửa C (có số nhà K355/15 do các đồng thừa kế của ông Trần Văn H đang sử dụng) phía nam giáp thửa A, phía bắc giáp công trình xây dựng, phía tây giáp công trình xây dựng, phía đông giáp đường bê tông, diện tích đất 110,3m² (lấy thẳng từ mặt nhà ông H ra hết sân phía trước), trên đất là ngôi nhà 02 tầng giao cho các đồng thừa kế của ông Trần Văn H là bà Dương Thị Bích T, bà Trần Thị T, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Bích T, bà Trần Thị Bích H, ông Trần Văn V, ông Trần Văn Q sở hữu.

(Kèm theo Sơ đồ vị trí thửa đất được trích từ Sơ đồ vị trí thửa đất, địa

điểm: Tổ 3, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo vẽ ngày 29/10/2021).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn ông Trần Văn C.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí, chi phí định giá không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN THÀNH VIÊN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Trương Công Thi Nguyễn Cường

Vũ Thanh Liêm